

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**TRẦN THỊ KIM ÁNH**

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TÍN DỤNG  
CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI, QUA THỰC TIỄN TẠI ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018**

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật - Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Hữu Du**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ  
hợp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Kết cấu của luận văn.....	4
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH VỀ TÍN DỤNG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....</b>	<b>5</b>
1.1 Khái quát về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại.....	5
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm về tín dụng cho vay tiêu dùng.....	5
1.1.2. Nguyên tắc cho vay tiêu dùng .....	5
1.1.3. Các loại tín dụng cho vay tiêu dùng.....	5
1.2. Khái quát về pháp luật tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại.....	5
1.2.1 Cơ sở kinh tế xã hội và yêu cầu điều chỉnh của pháp luật với hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Thương mại. ....	5
1.2.2 Quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Thương mại. ....	6
1.2.2.1 Quy định về chủ thể tham gia trong hoạt động cho vay tiêu dùng .....	6
1.2.2.2 Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng .....	7
1.2.2.3 Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay.....	9
1.2.2.4. Tranh chấp và xử lý tranh chấp trong hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng .....	9
Kết luận chương 1 .....	10
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....</b>	<b>11</b>

2.1	Thực trạng quy định pháp luật về cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại .....	11
2.1.1.	Quy định của pháp luật về chủ thể tham gia hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng .....	11
2.1.2	Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng .....	11
2.1.3	Quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.....	12
2.1.4	Quy định pháp luật về cho vay tiêu dùng qua hoạt động xét xử tại Tòa án .....	12
2.2	Đánh giá những thành tựu và hạn chế của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng hiện nay .....	14
2.2.1	Những thành tựu cơ bản của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng hiện nay.....	14
2.2.2	Những điểm còn hạn chế của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng .....	14
2.3	Thực trạng áp dụng pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại ở Đà Nẵng.....	14
	Kết luận chương 2 .....	18
	<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG CHO VAY TIÊU DÙNG .....</b>	<b>19</b>
3.1	Định hướng hoàn thiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng... 19	
3.1.1	Xây dựng chính sách bảo vệ khách hàng tiêu dùng tài chính 19	
3.1.2	Xây dựng chính sách đẩy lùi tín dụng đen.....	19
3.2	Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động về tín dụng cho vay tiêu dùng .....	20
3.2.1	Giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại .....	20
3.2.1.1	Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại.....	20
3.2.1.2	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại .....	20
3.2.2.	Giải pháp đẩy lùi tín dụng đen.....	20
3.2.3	Một số giải pháp về biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng thương mại ở Việt Nam ...	21
3.2.4	Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án. ....	21

3.2.4.1 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng liên quan tới giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.	21
3.2.4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật ngân hàng.....	22
3.2.4.3 Những kiến nghị đảm bảo thực hiện pháp luật .....	22
Kết luận chương 3 .....	22
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>23</b>



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Vay tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng trong việc kích cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đối với những người có thu nhập ở mức trung bình thấp, năng lực tài chính của họ không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, để mua sắm được những hàng hóa cần thiết, họ phải thông qua hình thức vay tiêu dùng.

Hình thức tín dụng CVTD là một trong các hoạt động kinh doanh truyền thống gắn liền với lịch sử phát triển của hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc đẩy mạnh dịch vụ cho vay tiêu dùng trở nên tất yếu đối với mọi loại hình ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay quy định về cho vay tiêu dùng vẫn chưa có hành lang pháp lý riêng để bảo vệ quyền lợi bên đi vay và bên cho vay nên hoạt động cho vay tín dụng tiêu dùng cũng đối mặt với nhiều rủi ro.

Ngày 16/6/2010, Quốc hội đã thông qua luật TCTD mới thay thế TCTD năm 1997 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật các TCTD năm 2004. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có Nghị định hướng dẫn thi hành luật TCTD nên thực tiễn thi hành luật các TCTD 2010 và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh hoạt động tín dụng của các TCTD thời gian qua phát sinh nhiều vấn đề tồn tại, vướng mắc cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Việc nghiên cứu pháp luật Việt Nam về tín dụng CVTD tại các Ngân hàng thương mại góp phần hạn chế tranh chấp giữa bên đi vay và bên cho vay, đồng thời tạo hành lang pháp lý chặt chẽ đảm bảo môi trường kinh doanh phát triển lành mạnh góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

Để tìm hiểu rõ hơn pháp luật về tín dụng CVTD hiện nay quy định như thế nào về hoạt động giữa các chủ thể tham gia quan hệ này, những bất cập xung quanh vấn đề áp dụng pháp luật về tín dụng CVTD trên thực tế hiện nay như thế nào? Việc áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp xung quanh về tín dụng gặp những thuận lợi và khó khăn gì trên thực tế là lý do tác giả chọn đề tài “***Pháp luật Việt Nam về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại, qua thực tiễn tại Đà Nẵng***” để thực hiện luận văn Thạc sĩ Luật kinh tế của mình.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam có khá nhiều các công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực tín dụng ngân hàng nói chung và tín dụng cho vay tiêu dùng nói riêng. Các công trình tiêu biểu có thể kể đến như: *Giáo trình tín dụng ngân hàng* của Học viện Ngân hàng (2014); *Giáo trình ngân hàng thương mại* của Học viện Ngân hàng (2009). Đây là các công trình nghiên cứu chung, tổng quát mang tính hệ thống hóa các nội dung về các sản phẩm tín dụng, kỹ năng lựa chọn khách hàng cho vay của các Ngân hàng, đồng thời cũng là các giáo trình được sử dụng trong quá trình đào tạo về pháp luật kinh tế. Tuy nhiên, mục đích chủ yếu là phục vụ cho nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho bậc đào tạo đại học nên các công trình này chủ yếu là giới thiệu, hệ thống một số nghiệp vụ của ngân hàng mà chưa tập trung nghiên cứu chuyên sâu một chuyên đề hay một chế định pháp luật nào. Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu ở cấp độ Thạc sỹ về tín dụng như: Luận văn Thạc sỹ luật học (2007) của Nguyễn Minh Thắng về *Những quy định chủ yếu của pháp luật về thẻ tín dụng và xu hướng hoàn thiện* đã làm rõ vai trò của thẻ tín dụng trong các giao dịch thanh toán phi tiền mặt, đã đề xuất những giải pháp nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn cho sự phát triển của thẻ tín dụng trong nền kinh tế của nước ta. Tuy nhiên, những quy định pháp luật được dẫn chiếu trong luận văn không còn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành; Luận văn Thạc sỹ luật học (2012) của Lê Nguyên Thảo về *Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng* đã đánh giá được thực trạng hoạt động cho vay và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh hoạt động CVTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, góc độ nghiên cứu của luận văn này về phần thực trạng chưa nêu được quy định pháp luật ở thời điểm nghiên cứu có tác động như thế nào đến thực trạng CVTD, hơn nữa phạm vi nghiên cứu còn hẹp nên chưa đánh giá được tính tổng quát của tín dụng về CVTD.

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn một phần về tín dụng cho vay tiêu dùng nhưng chưa có bao quát được các quy định của pháp luật tác động trực tiếp đến vấn đề CVTD. Do đó, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật Việt Nam về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại qua thực tiễn tại Đà Nẵng*” là hết sức cấp thiết, bởi lẽ các quy định pháp luật về vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn và ảnh hưởng



không nhỏ đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng.

Với luận văn này, tác giả mong muốn làm rõ những quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về tín dụng CVTD; phân tích những thành tựu cũng như bất cập, hạn chế của các quy định pháp luật hiện hành; tìm ra những định hướng và giải pháp hoàn thiện về pháp luật để hạn chế tranh chấp phát sinh, bảo vệ quyền lợi của ngân hàng và khách hàng, góp phần thúc đẩy sự phát triển cho nền kinh tế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1 Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là tìm ra những vướng mắc của pháp luật Việt Nam về tín dụng CVTD tại các Ngân hàng Thương mại, qua thực tiễn tại Đà Nẵng, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

#### **3.2 Phạm vi nghiên cứu**

- Tìm hiểu những vấn đề tổng quan về tín dụng CVTD tại các Ngân hàng Thương mại trong nền kinh tế thị trường.

- Phân tích và làm rõ một số quy định của pháp luật về tín dụng CVTD.

- Thực tiễn vận dụng các quy định của pháp luật về tín dụng CVTD thông qua hoạt động tín dụng tại các Ngân hàng Thương mại và qua thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng CVTD tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng .

- Đề ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tín dụng CVTD.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Lý luận về tín dụng CVTD và thực tiễn áp dụng pháp luật CVTD thông qua các quan điểm, nghị quyết, văn kiện luật, văn bản hướng dẫn, báo cáo...

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu vấn đề về pháp luật tín dụng CVTD thông qua hoạt động tín dụng CVTD tại các Ngân hàng Thương mại và trong việc giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng .

+ *Về mặt thời gian nghiên cứu:* Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng, thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về tín dụng cho vay tiêu dùng từ năm 2013 đến năm 2018.

+ *Về mặt không gian nghiên cứu:*

Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng, nghiên cứu thực trạng áp dụng pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại ở Đà Nẵng và thông qua việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về phát triển kinh tế xã hội, về xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp suy luận logic, luận văn sẽ được hoàn thiện theo các phương pháp nghiên cứu khác như: Phương pháp lịch sử; Phương pháp phân tích; Phương pháp so sánh, tổng hợp.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Đề tài nghiên cứu của luận văn góp phần bổ sung và phát triển lý luận về tín dụng CVTD và tìm ra những giải pháp hạn chế tranh chấp tín dụng CVTD.

Kết quả nghiên cứu luận văn có tính ứng dụng thực tiễn.

- Một là, nội dung luận văn nhằm hoàn thiện pháp luật về tín dụng CVTD.
- Hai là, hạn chế các tranh chấp phát sinh từ tín dụng CVTD.
- Ba là, bảo vệ quyền lợi của hợp pháp của bên cho vay và bên vay, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm ba chương:

**Chương 1:** Một số vấn đề lý luận và pháp luật điều chỉnh về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại

**Chương 2:** Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**Chương 3:** Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng

**Chương 1**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH VỀ**  
**TÍN DỤNG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG**  
**THƯƠNG MẠI**

**1.1 Khái quát về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

***1.1.1 Khái niệm và đặc điểm về tín dụng cho vay tiêu dùng***

- *Khái niệm tín dụng cho vay tiêu dùng:*

Tín dụng cho vay tiêu dùng là hình thức cấp tín dụng của ngân hàng hoặc các công ty tài chính đối với khách hàng là cá nhân hay hộ gia đình để họ thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong thời gian nhất định theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

- *Đặc điểm tín dụng cho vay tiêu dùng:*

Thứ nhất: Quy mô của từng hợp đồng cho vay thường nhỏ dẫn đến chi phí tổ chức cho vay cao.

Thứ hai: CVTD có tính nhạy cảm theo chu kỳ.

Thứ ba: Nhu cầu vay tiêu dùng của khách hàng hầu như ít co giãn với lãi suất.

***1.1.2. Nguyên tắc cho vay tiêu dùng***

- Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

- Vốn vay phải được hoàn trả cả gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng

***1.1.3. Các loại tín dụng cho vay tiêu dùng***

- Căn cứ vào mục đích vay vốn có thể phân loại CVTD thành 2 loại: CVTD cư trú và phi cư trú;

- Căn cứ vào phương thức hoàn trả có thể phân loại CVTD thành 3 loại: CVTD trả góp; CVTD phi trả góp; CVTD tuần hoàn .

- Căn cứ vào nguồn gốc khoản nợ có thể phân loại CVTD thành 2 loại: CVTD gián tiếp và CVTD trực tiếp .

**1.2. Khái quát về pháp luật tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

***1.2.1 Cơ sở kinh tế xã hội và yêu cầu điều chỉnh của pháp luật với hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Thương mại.***

- *Đối với Ngân hàng thương mại:*

Nguồn thu của Ngân hàng thông qua hoạt động cho vay tiêu dùng này là đáng kể do lãi suất tín dụng tiêu dùng hấp dẫn, đặc biệt là lãi suất thực cho vay trả góp rất cao, điều này khiến cho hoạt động cho vay tiêu dùng chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận của Ngân hàng.

- *Đối với người vay tiêu dùng:*

Trên thực tế thấy rằng có nhiều nhu cầu mang tính tự nhiên, thiết yếu, có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống đối với các cá nhân và hộ gia đình. Do đó, người tiêu dùng sẽ tìm cách để khéo léo giữa việc thỏa mãn các nhu cầu với yếu tố thời gian, khả năng thanh toán ở hiện tại và tương lai.

- *Đối với nền kinh tế đất nước:*

Việc mở rộng hoạt động cho vay tiêu dùng có thể góp phần đáng kể trong chính sách kích cầu của Nhà nước, nó cũng giúp Nhà nước đạt được những mục tiêu kinh tế – xã hội nhất định.

### ***1.2.2 Quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Thương mại.***

Pháp luật điều chỉnh về hoạt động CVTD bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Quy định của pháp luật về các chủ thể tham gia trong hoạt động CVTD;

- Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động CVTD;

- Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay;

- Quy định về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động cho vay của NHTM.

#### ***1.2.2.1 Quy định về chủ thể tham gia trong hoạt động cho vay tiêu dùng***

- *Đối với khách hàng cá nhân Việt Nam:* Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- *Đối với khách hàng là cá nhân nước ngoài:* Phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của nước mà cá nhân đó là công dân nếu pháp luật nước ngoài đó được Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật của Việt Nam quy định hoặc điều ước quốc tế được Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định.

### *1.2.2.2 Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng*

#### *- Thứ nhất về điều kiện vay:*

Hợp đồng tín dụng CVTD về bản chất là những hợp đồng cho vay tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, chỉ gọi là hợp đồng tín dụng CVTD trong trường hợp bên cho vay là các TCTD, trong đó chủ yếu là các ngân hàng và bên đi vay là cá nhân có đủ điều kiện về năng lực chủ thể như trên, hộ gia đình. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 1627/2011/QĐ – NHNN ngày 31/12/2011, Điều 126 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 thì các đối tượng không được vay bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, pháp nhân là thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; Cha, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương.

#### *- Thứ hai về mục đích sử dụng vốn vay:*

Mục đích sử dụng vốn vay phải hợp pháp. Theo quy định tại Điều 8 Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Sau đây gọi tắt là Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016) thì tổ chức tín dụng không được cho vay đối với các nhu cầu vốn: Để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh; để thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của các giao dịch, hành vi mà pháp luật cấm; để mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh; để mua vàng miếng; để trả nợ các khoản vay tại chính TCTD cho vay trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; để trả nợ khoản vay tại TCTD khác và trả khoản nợ vay nước ngoài trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: Là khoản vay phục vụ hoạt

động kinh doanh; Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ; Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

- *Thứ ba về số vốn vay:*

Tổ chức tín dụng căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng để thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay.

- *Thứ tư về lãi suất và hợp đồng vay vốn:*

Tại Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định: TCTD và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại Khoản 2 Điều này.

Ngoài ra, đối với công ty tài chính thì lãi suất được quy định tại Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất CVTD của công ty tài chính thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016).

- *Thứ năm, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và các phương thức khác được các bên thỏa thuận*

+ *Thời hạn cho vay:* Theo Điều 31 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay, thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức tín dụng. Đối với cá nhân có quốc tịch nước ngoài cư trú tại Việt Nam, thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam.

+ *Hình thức bảo đảm và giá trị tài sản bảo đảm:*

Bảo đảm tiền vay là việc TCTD áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi các khoản nợ đã cho khách vay.

Theo quy định tại mục 3 Chương VX của Bộ luật dân sự 2015 thì có 09 biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: Cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lưu quyền sở hữu, bảo lãnh, tín chấp, cầm giữ tài sản.

- Thứ sáu, về phương thức trả nợ:

TCTD và khách hàng thỏa thuận về kỳ hạn trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau: Trả nợ gốc, lãi tiền vay theo kỳ hạn riêng; Trả nợ gốc và lãi tiền vay trong cùng một kỳ hạn.

- Thứ bảy, về phương thức cho vay:

TCTD thỏa thuận với khách hàng việc áp dụng các phương thức cho vay như sau: Cho vay từng lần; Cho vay theo hạn mức; Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán.

*1.2.2.3 Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay*

Các biện pháp bảo đảm tiền vay gồm: Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản: Cầm cố, thế chấp tài sản của khách hàng vay; Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

*1.2.2.4. Tranh chấp và xử lý tranh chấp trong hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng*

- Đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.

+ Hành vi vi phạm nghĩa vụ của một hoặc các bên trong hợp đồng.

+ Việc vi phạm nghĩa vụ trả lãi và thậm chí cả gốc và lãi.

+ Tranh chấp về việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.

+ Tranh chấp về định giá, xử lý tài sản bảo đảm đối với những hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.

+ Cơ quan giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng là Tòa án nhân dân hoặc trọng tài thương mại nếu các bên có thỏa thuận.

+ Đa phần hoạt động thi hành án để đảm bảo việc thu hồi nợ của ngân hàng là thông qua xử lý tài sản đảm bảo.

- Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Pháp luật hiện hành công nhận các phương thức giải quyết tranh chấp sau: Thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án.

## **Kết luận chương 1**

1. Tín dụng cho vay tiêu dùng là hình thức cấp tín dụng của ngân hàng hoặc của công ty tài chính đối với khách hàng là cá nhân hay hộ gia đình để họ thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng.

2. Tín dụng cho vay tiêu dùng là một trong những hoạt động quan trọng nhất của NHTM.

3. Pháp luật điều chỉnh về hoạt động CVTD bao gồm các nội dung cơ bản sau: Quy định của pháp luật về các chủ thể tham gia trong hoạt động CVTD; Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động CVTD; Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay; Quy định về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động cho vay của NHTM.



## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.1 Thực trạng quy định pháp luật về cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

#### ***2.1.1. Quy định của pháp luật về chủ thể tham gia hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng***

Trước khi luật tổ chức tín dụng 2010 có hiệu lực thì việc xác định chủ thể có nhu cầu cấp tín dụng chủ yếu được đề cập dưới dạng chủ thể xin vay vốn tại ngân hàng thương mại. Từ sau năm 2010 pháp luật ghi nhận chi tiết các loại chủ thể tham gia cấp tín dụng cũng đi kèm với điều kiện mọi chủ thể. Việc ghi nhận này thể hiện ở việc cơ quan có thẩm quyền ban hành đầy đủ các văn bản quy định về chủ thể có nhu cầu nhận tín dụng dưới dạng bảo lãnh ngân hàng, chiết khấu/tái chiết khấu tờ có giá, bao thanh toán và tài trợ tín dụng cho Thu tín dụng. Một điểm quan trọng khác cần khẳng định về sự chi tiết hóa chủ thể thể hiện ở chỗ pháp luật quy định điều kiện khác nhau trong cấp tín dụng cho từng nhóm khách hàng, cho dù thực hiện một hình thức cấp tín dụng như nhau. Ví dụ, cùng có nhu cầu cấp tín dụng dưới dạng vay theo hợp đồng tín dụng nhưng điều kiện áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án sẽ khác rất nhiều so với cá nhân có nhu cầu vay vốn tiêu dùng...

#### ***2.1.2 Quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng***

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có nhiều quy định mới về phần lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, những quy định mới này theo hướng tăng mức lãi suất thỏa thuận và lãi suất phạt do chậm hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, thực trạng quy định của pháp luật về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng còn nhiều vấn đề còn tranh luận chưa thống nhất như:

- Thứ nhất, trường hợp vay nào áp dụng lãi suất theo quy định của BLDS năm 2015?
- Thứ hai, bàn về lãi suất bên vay phải trả.

- Thứ ba, vấn đề lãi suất khi người có nghĩa vụ chậm thi hành bản án, quyết định của Tòa án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Thứ tư, phạt vi phạm hợp đồng vay tài sản, bồi thường hợp đồng

### ***2.1.3 Quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại***

- Thứ nhất, quy định thiếu thống nhất đối với biện pháp cầm cố và thế chấp, gây khó khăn trong công tác áp dụng biện pháp bảo đảm:

Từ sự kế thừa quan điểm của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 đưa ra khái niệm về biện pháp bảo đảm cầm cố và thế chấp.

Theo đó, cầm cố tài sản là việc bên cầm cố giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Thế chấp tài sản là bên thế chấp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên nhận thế chấp.

Từ đó cho thấy, cầm cố và thế chấp chỉ khác nhau ở việc chuyển giao mang tính cơ học các tài sản bảo đảm mà không hề có sự phân biệt về loại tài sản. Vì thế, trong hoạt động cho vay việc cầm cố bất động sản là hoàn toàn có thể thực hiện.

Tuy nhiên, các Luật chuyên ngành lại không quy định điều này. Theo quy định tại Luật Nhà ở số 65/2014/QH13, quy định về các quyền sở hữu nhà ở thì không nhắc tới quyền cầm cố nhà ở mà chỉ thấy nhắc đến quyền thế chấp nhà ở.

Hay tại Điều 167 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 quy định quyền của người sử dụng đất cũng không hề nhắc tới cầm cố quyền sử dụng đất. Như vậy, quy định trong các văn bản Luật chuyên ngành lại hạn chế quyền cầm cố bất động sản của người sở hữu các quyền này.

- Thứ hai, thiếu quy định pháp luật và chưa thống nhất đối với một số loại tài sản bảo đảm đặc biệt.

- Thứ ba, chưa thống nhất trong xác định giá cho tài sản bảo đảm.

### ***2.1.4 Quy định pháp luật về cho vay tiêu dùng qua hoạt động xét xử tại Tòa án***

*Về lãi suất, lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng:*

Có thể thấy, lãi suất, lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm đều được quy định trong các Bộ luật dân sự:

– BLDS năm 1995 (Trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điều 313); phạt vi phạm (Điều 377); mức phạt vi phạm (Điều 378); quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (Điều 379); nghĩa vụ trả nợ của bên vay (Điều 471); lãi suất (Điều 473).

– Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005 (Trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điều 305); thực hiện hợp đồng có thỏa thuận phạt vi phạm (Điều 422); nghĩa vụ trả nợ của bên vay (Điều 474); lãi suất (Điều 476));

– BLDS năm 2015 (Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (Điều 357); thỏa thuận phạt vi phạm (Điều 418); nghĩa vụ trả nợ của bên vay (Điều 466); lãi suất (Điều 468).

Và các luật khác có liên quan như: Luật Các tổ chức tín dụng (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng (Điều 91)); Luật Thương mại (Phạt vi phạm (Điều 300); mức phạt vi phạm (Điều 301)...

Tuy nhiên, trong thời gian qua, trong hệ thống Tòa án, chưa có sự nhận thức thống nhất về các quy định pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng. Vì vậy, dẫn đến tình trạng trong thực tiễn xét xử, cùng loại tranh chấp hợp đồng tín dụng, trong đó các bên thỏa thuận về lãi suất (bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất nợ quá hạn), thỏa thuận phạt vi phạm nhưng có Tòa án xử chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm; có Tòa án xử chỉ chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn mà không chấp nhận phạt vi phạm vì cho rằng tính lãi suất quá hạn đồng thời phạt vi phạm là “lãi chồng lãi”, “phạt chồng phạt”.

*Về thời điểm và cách tính lãi để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án*

Thực chất, đây là xác định thời điểm phát sinh trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án. Khi quyết định về vấn đề này, do không có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 nên nhiều Tòa án đã vận dụng tinh thần của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử và thi hành án về tài sản (Thông tư liên tịch này hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự 1995 và đã hết hiệu lực thi hành) để quyết định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

## **2.2 Đánh giá những thành tựu và hạn chế của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng hiện nay**

### **2.2.1 Những thành tựu cơ bản của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng hiện nay**

- Thứ nhất, làm rõ khái niệm tín dụng cho vay tiêu dùng
- Thứ hai, đơn giản hóa các điều kiện cho vay
- Thứ ba, quy định cụ thể về phương thức cho vay
- Thứ tư, về lãi suất
- Thứ năm, về thời hạn cho vay
- Thứ sáu, về công khai hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung
- Thứ bảy, đảm bảo minh bạch trong hoạt động cho vay, bảo vệ quyền lợi của khách hàng vay
- Thứ tám, các quy định khắc phục bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện Quyết định 1627:

### **2.2.2 Những điểm còn hạn chế của pháp luật về hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng**

- Thứ nhất, pháp luật quy định về hình thức liên quan đến quyền lợi của bên nhận tín dụng (bên đi vay) còn chưa đủ chặt chẽ và chưa có biện pháp kịp thời để bảo vệ bên nhận tín dụng với tư cách là người tiêu dùng.

- Thứ hai, hợp đồng chứa đựng điều khoản không có hiệu lực.
- Thứ ba, vi phạm quyền bảo mật thông tin cho người tiêu dùng.

## **2.3 Thực trạng áp dụng pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại ở Đà Nẵng**

Đà Nẵng là trung tâm kinh tế và là một trong những trung tâm văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, là thành phố lớn thứ 4 của Việt Nam, đứng sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng. Thành phố nằm dọc theo vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Đà Nẵng hiện là một trong 3 đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương của Việt Nam (cùng với Hải Phòng và Cần Thơ). Tổng sản phẩm kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng 6 tháng đầu năm 2018 ước tăng 7% so với cùng kỳ năm 2017. So với các thành phố lớn, tốc độ tăng GRDP của Đà Nẵng xếp thứ 2 sau Hải Phòng; so với 5 tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Đà Nẵng xếp thứ 2 sau Quảng Ngãi.

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng do tài chính thế giới thường xuyên thay đổi, nhưng tình hình kinh tế- xã hội của Đà Nẵng cơ bản vẫn ổn định và phát triển. Phần lớn các chỉ tiêu

đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, nhất là trên các lĩnh vực như đầu tư, thương mại, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, ngân sách, hoạt động thương mại diễn ra sôi động, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu ước đạt 48 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017. Đây chính là điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh của (NHTM) trên địa bàn; và hoạt động của các NHTM lại góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của Đà Nẵng. Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng CVTD của hệ thống ngân hàng thương mại Đà Nẵng nhằm đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại; từ đó định hướng và tìm giải pháp hoàn thiện pháp luật về tín dụng CVTD.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 48 Chi nhánh của các Ngân hàng Thương mại gồm 13 Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Nhà nước và 35 Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần. Quy mô hoạt động cho vay tiêu dùng tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại là không đồng đều, trong đó có hai ngân hàng là Agribank và BIDV mỗi ngân hàng có thị phần chiếm tới trên 10% trong tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống. Tiếp theo có 5 ngân hàng có thị phần từ 5% đến 15%, 24 ngân hàng có thị phần dưới 1%.

Các chi nhánh Ngân hàng cho vay nhiều nhất ở nhóm các khoản vay từ 100 triệu đến 500 triệu. Ở phân khúc từ 50 triệu đến 100 triệu đồng có 81% NHTM tham gia. Khảo sát từ phía khách hàng cũng cho thấy các khoản vay tiêu dùng được cung cấp cho các khách hàng của NHTM chủ yếu nằm trong phân khúc từ 50 triệu đến 500 triệu.

Đa số các NHTM thực hiện cho vay theo mô hình tín dụng trực tiếp, chỉ có 1/3 trong số các NHTM được khảo sát có hình thức giải ngân cho nhà cung cấp hàng hóa. Phương thức cho vay từng lần là phương pháp chủ đạo chiếm 50%, cho vay mua hàng trả góp chiếm tỷ lệ thấp hơn cho vay thấu chi qua thẻ và cho vay qua thẻ tín dụng.

Thị trường tín dụng Đà Nẵng được phân chia cho 2 nhóm tổ chức tín dụng là Ngân hàng Thương mại và Công ty Tài chính Tiêu dùng.

*- Về hoạt động huy động vốn và cho vay trên địa bàn:*

Về hoạt động huy động vốn: Cuối tháng 6/2018 tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn khoảng hơn 122 tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2017, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017, nguồn tiền gửi dưới 12 tháng đạt hơn 100 tỷ đồng. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng cao mặc dù lãi suất huy động thấp hơn so với những năm trước.

Về hoạt động tín dụng thì tổng dư nợ cuối tháng 6/2018 gần 130 tỷ đồng, tăng 9% so với cuối năm 2017 và tăng 22% so với cùng kỳ năm 2017. Trong số dư nợ thì tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,35%. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các TCTD trên địa bàn Đà Nẵng đã được NHNN – Chi nhánh Đà Nẵng triển khai thực hiện nghiêm túc và ban hành kiến nghị 26 kiến nghị cho 03 TCTD đồng thời đã triển khai thực hiện thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

*- Về sự bùng nổ tín dụng đen trên thị trường Đà Nẵng*

Tín dụng đen là hình thức cho vay nặng lãi được thực hiện chủ yếu bởi một cá nhân, nhóm cá nhân hoặc có thể là tổ chức ngoài vòng kiểm soát của pháp luật với lãi suất vượt quá mức lãi suất cho vay mà pháp luật Việt Nam quy định, mức lãi suất cho vay nhà nước quy định đó là không được vượt quá 20%/năm.

Để vay được tiền từ tín dụng đen thì người vay phải làm hợp đồng bán tài sản hoặc bất động sản thay vì làm hợp đồng vay tiền và người vay chỉ được nhận 60 % đến 70% trị giá tài sản.

Nếu quá hạn mà người vay không thanh toán thì chủ vay sẽ thanh lý tài sản, người vay phải làm giấy sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng bất động sản cho chủ nợ.

Từ nhận quy định riêng trong giới cho vay kiểu tín dụng đen như vậy thì nhận thấy: Trong khi lãi suất cho vay tại các Ngân hàng thương mại chưa tới 1%/tháng (dưới 12%/năm) thì với thị trường tín dụng đen tại Đà Nẵng, người vay phải trả mức lãi suất "cắt cổ" tính theo ngày, tuần... từ 10% đến 30%, thậm chí 50%. Một thời gian dài, tín dụng đen ở Đà Nẵng đã phải rút vào hoạt động âm thầm nhưng gần đây, rất nhiều hoạt động đã được công khai, không chỉ với tờ rơi, tờ quảng cáo dán trên tường hay các cột điện, nhiều người còn in hẳn tờ card với màu sắc bắt mắt và cho người đi mời chào công khai tại các quán cà phê, quán nhậu, nơi công cộng. Trên các trang mạng xã hội cũng ngập tràn những thông tin như "vay nhanh Đà Nẵng", "vay tiêu dùng nhanh Đà Nẵng" hay "vay tín chấp nhanh tại Đà Nẵng"... Không chỉ thế, rất nhiều dịch vụ như mua hàng trả góp, vay tiền nhanh bằng giấy đăng ký xe nhưng không cầm xe, vay tiền nhanh bằng chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu... đang hoạt động rầm rộ.

*Về khó khăn trong hoạt động cho vay tín chấp của tổ chức tín dụng:*

- Việc tìm kiếm khách hàng vay mới khó khăn hơn. Hầu hết các khách hàng khi tìm đến hoạt động vay tín chấp đều đang cần tiền nhanh và thường không chú ý quá nhiều về các điều khoản hợp đồng cũng như lãi suất. Cộng với việc nhân viên tư vấn luôn có thái độ úp mở về lãi suất để ký được hợp đồng vay. Cho nên đến khi khách hàng thực hiện việc trả nợ họ mới phát hiện rằng lãi suất là cao và trả hoài vẫn chưa hết khoản nợ. Từ đó xuất hiện hai trường hợp, một là khách hàng cố gắng thực hiện việc trả nợ cho đến khi dứt điểm và không bao giờ vay lại nữa vì họ cảm thấy mình bị lừa, hai là họ không có khả năng chi trả từ đó dẫn đến nợ xấu và họ cũng không được vay ở các tổ chức tài chính nào khác. Bên cạnh đó cũng có một bộ phận người dân lợi dụng việc cho vay quá dễ dàng của các tổ chức tín dụng và việc chỉ có thể giải quyết dân sự đối với hành vi không trả nợ mà cố ý không trả nợ đối với khoản vay của mình dẫn đến việc các người vay khác thiếu hiểu biết về việc mình dính nợ xấu thấy việc không trả nợ vẫn không có chế tài gì với họ nên cũng không trả nợ mặc dù vẫn có khả năng chi trả. Bên cạnh đó việc các đối tượng xấu cố ý làm giả giấy tờ tùy thân hoặc móc nối với nhân viên cho vay để nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm dụng khoản vay cũng là một khó khăn lớn đối với việc cho vay tín chấp của các tổ chức tín dụng. Cuối cùng lãi suất cho vay luôn là vấn đề khó khăn muôn thuở khi người vay muốn tiếp cận việc vay tín chấp. Tuy có sự cạnh tranh về lãi suất giữa các Tổ chức tín dụng mới nhưng lãi suất vẫn rất cao, người vay vẫn khó có thể tiếp cận.

*Thực trạng áp dụng pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng thông qua việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng của các Ngân hàng Thương mại tại Tòa án.*

Trong những năm vừa qua, từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/09/2017, số lượng các vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng được thụ lý và giải quyết bởi Tòa án nhân dân 2 cấp thành phố Đà Nẵng là:

Án sơ thẩm: thụ lý: 800 vụ, giải quyết: 781 vụ, còn lại: 19 vụ.

Án phúc thẩm: thụ lý 61 vụ, giải quyết: 69 vụ, còn lại: 01 vụ.

Qua thực tiễn xét xử cho thấy thực trạng pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng qua hoạt động xét xử tại Tòa án còn có những vướng mắc sau đây:

- Về tố tụng:

+ Một là, về xác định tư cách người tham gia tố tụng

+ Hai là, xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đầy đủ

- + Ba là, về quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
- + Bốn là, về việc xác định địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Về nội dung:
  - + Một là, Quyết định về trách nhiệm chịu tiền lãi nếu chậm thi hành trong các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng.
  - + Hai là, đối với hợp đồng thế chấp có đối tượng thế chấp là quyền đòi nợ.
    - + Ba là, việc thế chấp cần phải tiến hành xem xét, thẩm định thực tế tài sản thế chấp.
    - + Bốn là, tính lãi chậm thanh toán trên lãi.
    - + Năm là, đối với trường hợp một nghĩa vụ dân sự được bảo đảm bằng nhiều giao dịch bảo đảm.
    - + Sáu là, xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng.
    - + Bảy là, hợp đồng thế chấp tài sản bằng tài sản của người thứ ba.

## **Kết luận chương 2**

Trong nội dung chương này, tác giả đã nêu và phân tích các quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng của NHTM. Trong đó, tập trung phân tích các quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở đã đối chiếu, tham khảo các quy định pháp luật đã điều chỉnh trước đó.

Nội dung pháp luật đã được đánh giá, phân tích bao gồm: quy định về chủ thể tham gia hoạt động tín dụng cho vay tiêu dùng, về điều chỉnh hợp đồng tín dụng trong cho vay tiêu dùng, về biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay tiêu dùng và xử lý tranh chấp trong hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng.



## **CHƯƠNG 3**

### **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG CHO VAY TIÊU DÙNG**

#### **3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng**

##### ***3.1.1 Xây dựng chính sách bảo vệ khách hàng tiêu dùng tài chính***

- Một là, thành lập đơn vị chuyên trách về bảo vệ người tiêu dùng đối với lĩnh vực ngân hàng trong cơ cấu của cơ quan chủ quản là Ngân hàng Nhà nước.

- Hai là, thành lập mới một cơ quan độc lập về bảo vệ người tiêu dùng tài chính.

- Ba là, nên thành lập đơn vị chuyên trách bảo vệ người tiêu dùng tài chính trong các ngân hàng.

- Bốn là, cần có các yêu cầu cụ thể về công bố thông tin đối với từng loại sản phẩm tín dụng tiêu dùng.

- Năm là, yêu cầu các tổ chức tín dụng có ghi chú các thông tin quan trọng như lãi suất, phí, tổng chi phí phải trả, kỳ hạn khoản vay và các thông tin cụ thể về phương thức thanh toán để giúp khách hàng có thể hiểu rõ hơn về lĩnh vực tài chính.

- Sáu là, cần có quy định về phong chữ tối thiểu của hợp đồng tín dụng, đồng thời có các yêu cầu về việc sử dụng các từ ngữ trong sáng, đơn giản, dễ hiểu trong hợp đồng.

- Bảy là, đối với thông tin về lãi suất tín dụng, cần đưa ra quy định yêu cầu công bố cho khách hàng biết tổng chi phí khác theo hợp đồng tín dụng.

- Tám là, yêu cầu đưa ra là phải đào tạo các nhân viên tín dụng có kiến thức đầy đủ về luật pháp, hiểu biết về sản phẩm để tư vấn cho khách hàng.

##### ***3.1.2 Xây dựng chính sách đẩy lùi tín dụng đen***

- Để giải quyết tình hình cho vay tín dụng đen, lãi suất cao, các ngành chức năng và chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý, siết chặt các hoạt động cho vay, huy động vốn tự phát;

- Các ngân hàng cần có cơ chế chính sách thu hút nguồn tiền nhàn rỗi trong dân, tăng cường các nguồn vốn cho đối tượng có nhu cầu tiếp cận nguồn vốn vay an toàn, nhanh chóng, thuận tiện, qua đó hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, vay “tín dụng đen”...

- Cần hướng dẫn người dân biết những nguồn vốn có lãi suất cho vay thấp, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận nguồn vốn này để không phải vay nặng lãi, vay “tín dụng đen”.

- Các cơ quan chức năng có thẩm quyền sớm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực vay tín dụng với những chế tài xử lý cụ thể, rõ ràng .

### **3.2 Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động về tín dụng cho vay tiêu dùng**

#### **3.2.1 Giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

##### **3.2.1.1 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

- Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động cho vay tiêu dùng.

- Thứ hai, đối với quy định cho vay bằng thẻ tín dụng cần có những quy chế riêng không thể áp dụng chung chung các quy định cho vay thông thường vào hình thức cho vay bằng thẻ.

- Thứ ba, cần rút ngắn thời gian giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.

##### **3.2.1.2 Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại các Ngân hàng Thương mại**

- Nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng.

- NHTM cần minh bạch cách tính lãi cho vay tiêu dùng.

##### **3.2.2. Giải pháp đẩy lùi tín dụng đen**

- Về quản lý nhà nước, NHNN cần hướng dẫn cải cách thủ tục lập hồ sơ tín dụng theo hướng đơn giản hơn, tạo điều kiện cho khách hàng nhanh chóng tiếp cận vốn;

- Chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng và quỹ tín dụng đến những vùng nông thôn có kinh tế khó khăn; Mở rộng đối tượng được hưởng chính sách cho vay không cần bảo đảm tài sản nhằm thực hiện một số mục tiêu chính sách, xã hội.

- Về biện pháp dân sự, cần tiếp tục duy trì cơ chế lãi suất trong giao dịch dân sự ngoài lĩnh vực ngân hàng.

- NHNN cần tiếp tục và tăng cường sự phối hợp với Bộ Công an, các sở ban, ngành, chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền

chính sách, pháp luật về hoạt động ngân hàng, các quy định pháp luật về phòng chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, tín dụng đen.

### ***3.2.3 Một số giải pháp về biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng thương mại ở Việt Nam***

Để khắc phục những điểm mâu thuẫn, chông chéo trên của hệ thống luật thực định về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp thì tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

- Một là, công việc thiết yếu là rà soát lại tất cả văn bản pháp luật có liên quan để tiến hành loại bỏ những quy định không phù hợp và hạn chế tối đa việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

- Hai là, mục đích của biện pháp thế chấp là để bảo đảm cho quyền lợi của bên nhận thế chấp khi nghĩa vụ bị vi phạm, do vậy pháp luật cần ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp đối với tài sản thế chấp là một loại vật quyền bảo đảm.

- Ba là, cần giải thích rõ hơn trong các quy định hướng dẫn Bộ luật dân sự năm 2015 về khái niệm tài sản với pháp luật của các nước vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể trong việc xác định và lựa chọn tài sản là đối tượng thế chấp.

- Bốn là, việc đăng ký tài sản thế chấp phải là thủ tục bắt buộc, chứ không phải là thủ tục vừa bắt buộc vừa tự nguyện trong giao dịch bảo đảm hiện nay.

- Năm là, về định giá tài sản bảo đảm tiền vay là bất động sản. Cần thống nhất cơ sở xác định giá bất động sản theo hướng hình thành những căn cứ nhất định, chứ không để xác định một cách “tràn lan”.

### ***3.2.4 Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.***

***3.2.4.1 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng liên quan tới giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.***

- Một là, bổ sung các quy định về thủ tục rút gọn đối với giải quyết tranh chấp HĐTD.

- Hai là, ban hành những văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành một số quy định chưa cụ thể trong BLTTDS. Ví dụ như quy định hướng dẫn thực hiện các quy định về giao nộp chứng cứ, trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ.

- Ba là, bổ sung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và nguồn bổ nhiệm thẩm phán và bầu hội thẩm nhân dân.

### 3.2.4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật ngân hàng

- Thứ nhất, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về vấn đề lãi suất của hoạt động cho vay. Để phù hợp với sự phát triển của hoạt động này, nên sửa đổi quy định tại Điều 476 BLDS.

- Thứ hai, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể Khoản 1 Điều 11 Quyết định 1627 vì nhiều trường hợp cơ quan thi hành án khi áp dụng các văn bản luật không chấp nhận mức lãi suất mà các bên thoả thuận để xử lý nợ quá hạn đối với tài sản phát mại mà lấy lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố, mức lãi suất này thấp hơn nhiều so với lãi suất các bên thoả thuận trong HĐTD.

- Thứ ba, sửa đổi nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm phần xử lý tài sản bảo đảm.

- Thứ tư, sửa đổi một số quy định của nghị định số 178/1999/NĐ-CP của chính phủ ngày 29/12/1999 và thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT/BCA-BTC-TCĐG ngày 23/4/2001 liên quan tới quyền bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ của các ngân hàng.

### 3.2.4.3 Những kiến nghị đảm bảo thực hiện pháp luật

- Thứ nhất, cần tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm tra của Viện kiểm sát đối với hoạt động tố tụng của Tòa án.

- Thứ hai, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của từng cá nhân trong xã hội.

- Thứ ba, cần đề cao trách nhiệm cá nhân đối với từng chức danh cán bộ tư pháp, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị và các thẩm phán.

- Thứ tư, đổi mới và hoàn thiện phương thức tổ chức, chỉ đạo, điều hành và thủ tục hành chính- tư pháp trong hệ thống tòa án nhân dân các cấp theo hướng nhanh gọn, hiệu quả và thuận lợi cho các bên tranh chấp.

## **Kết luận chương 3**

1. Hoàn thiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng là một yêu cầu khách quan.

2. Mục tiêu hoàn thiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng là tạo ra những an toàn, hạn chế các rủi ro có thể phát sinh đối với ngân hàng và nền kinh tế và bảo vệ khách hàng đi vay.

3. Việc hoàn thiện pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng của NHTM phải thực hiện trên cơ sở đồng bộ thống nhất các giải pháp.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện cho phép để thực hiện nghiên cứu luận văn, tác giả đã cố gắng phân tích những quy định của pháp luật về tín dụng cho vay tiêu dùng, nghiên cứu thực trạng cũng như tìm ra những giải pháp phù hợp nhằm góp một phần công sức cho việc định hướng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng, tuy nhiên sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nên rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy Cô để hoàn thiện hơn nữa trong nhận thức cũng như kiến thức giúp cho đề tài này được phát triển ở một cấp độ cao hơn.